

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **06/2022/DS-ST**

Ngày: 11/01/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đoàn Thị Trần Mỹ**

2. Ông **Trần Văn Nhu**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Luân**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngày **11** tháng **01** năm **2022** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/2021/TLST-DS ngày 08/6/2021 về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125A/2021/QĐST-DS ngày 09/12/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** 1/ Ông **Huỳnh Văn K**, sinh năm 1969.

2/ Bà **Đặng Thị T**, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: ấp Hòa P, xã Hòa K, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** 1/ Ông **Đinh Trường T**, sinh năm 1969.

2/ Bà **Đoàn Thị H**, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: ấp Hòa P, xã Hòa K, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Ông K, bà T có mặt; bà H và ông T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08/3/2021 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn K và bà Đặng Thị T trình bày:

Do quen biết ở chung ấp nên ngày 23/10/2020 vợ chồng ông T và bà H có hỏi vợ chồng ông K và bà T vay 30 chỉ vàng 24k và số tiền 40.000.000 đồng để mua đất, khi hỏi vay và nhận tiền vàng thì vợ chồng ông T và H có mặt hỏi vay và nhận tiền vàng, nhưng bà H đại diện làm biên nhận và ký tên, hứa trả trong thời hạn 30 ngày, lúc vay không tính lãi. Nhưng đến hạn trả nợ ngày 23/11/2020 vợ

chồng bà H và ông T không thực hiện dù đến nhà đòi nhiều lần kéo dài cho đến nay.

Nay ông K và bà T yêu cầu ông T và bà H có nghĩa vụ liên đới trả 30 chỉ vàng 24k, 40.000.000 đồng và lãi chậm trả 0,83%/tháng tính từ ngày 23/11/2020 cho đến ngày xét xử, trả vốn và lãi 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Đinh Trường T và bà Đoàn Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do và không cung cấp ý kiến trình bày đối với vụ kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Đinh Trường T và bà Đoàn Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T và bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét, căn cứ vào biên nhận vay tiền ngày 23/10/2020 thể hiện vợ chồng ông T và bà H có vay của vợ chồng ông K và bà T 30 chỉ vàng 24k và số tiền 40.000.000 đồng, bà H có làm biên nhận nợ và ký tên nội dung biên nhận thể hiện “tôi Đoàn Thị H, sinh năm 1976, chồng tôi Đinh Trường T, sinh năm 1969. Nay vợ chồng tôi đồng ý mượn số tiền 03 cây vàng 24k và số tiền 40.000.000 đồng của anh chị K, vợ chồng tôi hứa hoàn trả lại cho anh chị khi cần”. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho bà H trong thông báo Tòa án có nêu rõ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông K và bà T, nhưng bà H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông K và bà T không có mặt để tham gia các phiên hoà giải và tham dự phiên tòa, nên xem như bà H đã mặc nhiên thừa nhận số nợ của vợ chồng ông K và bà T. Do đó, ông K và bà T khởi kiện yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả 30 chỉ vàng 24k và số tiền 40.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Đồng thời, ông K và bà T yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả lãi tính từ ngày 23/11/2020 đối với số tiền 40.000.000 đồng x lấy tròn 13 tháng x 0,83% = 4.316.000 đồng. Xét, yêu cầu trả lãi của ông K và bà T là có cơ sở chấp nhận vì từ khi vay cho đến nay bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên ông K và bà T yêu cầu trả lãi chậm trả là hoàn toàn phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên buộc bà H có nghĩa vụ hoàn trả số tiền lãi 4.316.000 đồng cho ông K và bà T.

[4] Ngoài ra, ông K và bà T yêu cầu ông T là chồng của bà H có nghĩa vụ liên đới cùng với bà H trả 30 chỉ vàng 24k, số tiền vốn 40.000.000 đồng và lãi 4.316.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, dù ông T không có ký tên trong biên nhận vay tiền ngày 23/10/2020 cùng với bà Đoàn Thị H nhưng trong nội dung biên nhận thể hiện ông T là chồng cùng với bà H vay số vàng và tiền trên của ông

K và bà T. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho ông T trong thông báo Tòa án có nêu rõ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông K và bà T, nhưng ông T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông K và bà T không có mặt để tham gia các phiên hoà giải và tham dự phiên toà, nên xem như ông T đã mặc nhiên thừa nhận số nợ của chồng ông K và bà T. Mặc dù, ông T không có ký tên trong biên nhận nợ nhưng việc bà H vay tiền để sử dụng trong thời kỳ hôn nhân, ông T là chồng phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà H trả số nợ trên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Tại phiên toà ông K và bà T có mặt; bị đơn bà H và ông T vắng mặt nên hai bên không thoả thuận được về thời gian trả số vàng và tiền trên. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số vàng và tiền trên do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K và bà T, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên bà H và ông T phải chịu án phí như sau:

Lấy giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 5.200.000 đồng/01 chỉ vàng 24k để làm căn cứ tính án phí.

Do đó, số tiền án phí ông T và bà H phải chịu là $[(30 \text{ chỉ vàng } 24k \times 5.200.000 \text{ đồng}) + 44.316.000 \text{ đồng}] \times 5\% = 10.015.000 \text{ đồng}$ (Mười triệu không trăm mười lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn K và bà Đặng Thị T.

Buộc ông Đinh Trường T và bà Đoàn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn K và bà Đặng Thị T 30 (ba mươi) chỉ vàng 24k và số tiền vốn 40.000.000 đồng, lãi 4.316.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 44.316.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu ba trăm mười sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Đinh Trường T và bà Đoàn Thị H liên đới chịu 10.015.000 đồng (Mười triệu không trăm mười lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn K và bà Đặng Thị T số tiền 5.062.000 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000764 ngày 08/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Văn K và bà Đặng Thị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Đinh Trường T và bà Đoàn Thị H được quyền kháng cáo bản án án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe